

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 02-5-2018.

V/v ly hôn giữa anh H và chị L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tùng Châu.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố V tham gia phiên tòa : Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án , Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số : 01/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 203/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 261/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm H, sinh năm 1989, nơi cư trú: Số nhà 26, đường N, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1990, nơi cư trú: Số nhà 46/7, đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01 tháng 12 năm 2017 và các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn anh Phạm H trình bày: Anh và chị Trương Thị L sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 68/2010/CN-KH, ngày 31 tháng 8 năm 2010, anh cùng chị L chung sống được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm

sống về nhiều mặt, tính tình không hợp từ đó ít quan tâm nhau , đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên anh H yêu cầu giải quyết được ly hôn với chị L. Anh H và chị L chung sống với nhau có 02 người con chung tên là Phạm M, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010 và Phạm Y, sinh ngày 26/5/2012, từ khi ly thân đến nay hai người con do anh H nuôi dưỡng và chăm sóc , vì vậy khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung: Anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trương Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhân định:

[1] Anh Phạm H và chị Trương Thị L kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật . Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc , từ đó đã sống ly thân, nên anh H có đơn yêu cầu xin được ly hôn với chị L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Theo chứng cứ do anh Huỳnh cung cấp trong hồ sơ, thì anh H và chị L có đăng ký kết hôn , giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số : 68/2010/CN-KH ngày 31 tháng 8 năm 2010. Thời gian chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc anh H và chị L sống ly thân, chị L Tòa án được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy chị L không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị L là có cơ sở chấp nhận , đúng với quy định tại các Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H và chị L chung sống với nhau có có 02 người con chung tên là Phạm M, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010 và Phạm Y, sinh ngày 26/5/2012. Anh H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy từ khi ly thân với nhau cháu M và cháu Y là do anh H nuôi dưỡng và tại biên bản ghi lời khai ngày 20/3/2018, khi được hỏi ý kiến thì cháu M trình bày là có nguyện vọng sống với anh H, anh H thì cũng có nguyện vọng tiếp tục

nuôi cháu M và cháu Y, chị L thì được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết vụ án, nên để cháu M và cháu Y cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng, do anh H và cháu M không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Đối với chị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, anh H thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H, chị L là đúng quy định của pháp luật.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu tiền án phí, nên anh H phải chịu án phí sơ thẩm phải nộp là 300.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, nên chấp nhận. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng cũng như quan điểm về nội dung vụ án, Kiểm sát viên có ý kiến rằng, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt những quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Cho ly hôn giữa anh Phạm H, sinh năm 1989 và chị Trương Thị L, sinh năm 1990.

- Về con chung: Giao các cháu Phạm M, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010 và Phạm Y, sinh ngày 26/5/2012 cho anh Phạm H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc anh Phạm H phải nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003209 ngày 12/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về quyền kháng cáo : Phạm H và chị Trương Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND Phường M, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng